TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 508/2023/DS-PT Ngày 25/4/2023 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Như Hà

2. Ông Lại Huỳnh Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2022 và 25/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6015/2022/QĐPT-DS ngày 28/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19688/2022/QĐ-PT ngày 15/12/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 3849/2023/TB-TA ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 1020, đường E, ấp T.A, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 1020, đường E, ấp T.A, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà Đ tại phiên tòa phúc thẩm: ông Phạm Văn N, sinh năm: 1942; Địa chỉ: tỉnh X (Theo giấy ủy quyền số công chứng 00011009 ngày 09/8/2022); Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 1440, đường B, Ấp 12, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Lê Đức T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số 66/89/14 X.V.N.T, phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số công chứng: 00010677 ngày 26/8/2019); Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Cẩm L, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Quan Q1, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt);

3. Cháu Nguyễn Quan H1, sinh năm 2010 (Có người giám hộ đương nhiên là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Cẩm L).

Cùng địa chỉ: Số 1440, đường B, ấp 12, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 07, ấp 12, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn trình bày:*

Thửa đất số 602, diện tích là 234,1m^2, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cha bà ông Nguyễn Văn M (cha bà đã mất ngày 07/7/2006); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 419043, số vào sổ cấp giấy H00758/13 ngày 06/5/2005, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cha bà, đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho bà và bà Đ vào ngày 10/10/2017 (được thừa kế).

Thửa đất số 605, diện tích là 95,4m^2, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C, giáp ranh với thửa 602 là của ông Nguyễn Văn Q; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 782881, số vào sổ cấp giấy HC1741/13, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Q ngày 23/8/2005. Từ năm 2005, khi cha bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa 602), bà có xây dựng 01 dãy nhà trọ và dành ra 01 khoảng trống giáp ranh với đất của ông Q (thửa 605) để làm đường thoát nước. Còn trên thửa đất 605 thì đến năm 2009, ông Q mới xây dựng căn nhà cấp 4. Tuy nhiên, khi xây dựng, ông Q lấn qua diện tích 22,8m^2 của thửa 602. Phía bà đã yêu cầu ông Q không được xây dựng lấn chiếm và trả lại đất lấn chiếm nhưng ông Q không đồng ý. Bà đã khởi kiện tranh chấp từ năm 2013. Năm 2013, ông Q

phá dỡ căn nhà cấp 4 và xây dựng căn nhà 01 tấm đúc kiên cố trên phần đất lấn chiếm.

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018, nguyên đơn yêu cầu: Buộc ông Q chấm dứt hành vi lấn chiếm diện tích đất 22,8m^2 (giáp ranh của thửa 602 và 605) tờ bản đồ tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C. Buộc ông Q tháo dỡ công trình xây dựng đã xây dựng bất hợp phát trên đất của nguyên đơn, để trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 22,8m^2.

Trong quá trình tố tụng vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Quan tháo dỡ công trình xây dựng đã xây dựng bất hợp phát trên đất của nguyên đơn mà yêu cầu ông Q trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất lấn chiếm là 21,2m^2 tương đương số tiền 318.000.000đ (ba trăm mười tám triệu đồng).

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Đức T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Nguyên đơn cho rằng ông Q lấn chiếm phần diện tích đất 22,8m^2 giáp ranh của thửa 602 và 605, tờ bản đồ tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C là hoàn toàn không có cơ sở.

Vào năm 2000, ông Q mua đất của bà Nguyễn Thị C1 (nay đã chết), đến 2005 mới làm giấy tờ mua bán và đã được sang tên đăng bộ đầy đủ. Ông Q đã xây dựng nhà cửa trên toàn bộ phần diện tích đất mua bán theo sơ đồ thửa đất trước đây và hiện nay không thay đổi. Ranh đất và tường rào phân tách giữa các bên vẫn còn nguyên hiện trạng. Cụ thể: Khi ông Q mua đất thì trên đất đã có căn nhà cấp 4, ranh đất giữa 02 bên đã có cọc ximăng và vách tường xây kéo dài cho đến nay vẫn còn nguyên hiện trạng. Diện tích thực ông Q mua và sử dụng cho đến nay là 104,2m^2. Khi làm giấy lần thứ nhất nhà nước tự trừ 8,8m nên trong sổ còn lại 95,4m^2, lúc chuyển lên thổ cư nhà nước tiếp tục trừ phần vi phạm lộ giới lần 2 là 15,5m^2 nên chỉ công nhận còn lại cho ông là 79,9m2. Do đó qua 02 lần Nhà nước tự trừ làm đường trên phần đất ông Q đang sử dụng là đã 24,3m^2.

Ông Q xác định ông hoàn toàn không lấn chiếm đất của nguyên đơn, ông nhận chuyển nhượng đất của bà Chuyện từ năm 2000 nhưng đến năm 2005 mới làm thủ tục giấy tờ. Từ năm 2000, đất giữa 02 bên đã có hàng rào, cột mốc và ranh giới rõ ràng. Ông Q đã quản lý sử dụng từ năm 2000 cho đến nay. Con của bà Chuyện là ông Nguyễn Văn H2 cũng xác nhận việc mẹ ông H2 có bán nhà cho ông Q và ông Q đã quản lý sử dụng từ đó đến nay, cột mốc, ranh đất và tường rào không thay đổi vẫn còn nguyên hiện trạng.

Năm 2005, ông M (cha nguyên đơn) mới mua đất của bà V, lúc này bà V đã xây dựng 11 căn nhà trọ trên đất. Việc nguyên đơn cho rằng phía nguyên đơn đã xây dựng 11 căn nhà trọ trên đất và chừa đường nước là hoàn toàn không đúng vì các căn nhà trọ này là do bà V xây dựng trước khi bán cho ông M. Giấy

nhận cọc ngày 09/3/2005 giữa bà V với ông M đã ghi rõ bà V bán đất cho ông M trên đó có sẵn 11 căn phòng trọ. Mặc khác, sau khi mua đất của bà V, phía nguyên đơn liên tục kiện thưa cho rằng ông Q lấn đất nhưng đến năm 2017, phía nguyên đơn lại tự ý đi làm thủ tục thừa kế sang cập nhật toàn bộ diện tích đất ông M được cấp giấy sang tên nguyên đơn, trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp mà ông Q đang quản lý sử dụng là hoàn toàn không phù hợp. Nay phía nguyên đơn áp ranh giấy đất 02 thửa và hiện trạng ông Q đang sử dụng từ trước đến nay để cho rằng ông Q lấn chiếm đất của nguyên đơn là hoàn toàn không phù hợp, ông không có lấn chiếm đất của nguyên đơn và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Q trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất lấn chiếm là 21,2m^2, trả bằng tiền tương đương số tiền 318.000.000đ (ba trăm mười tám triệu đồng). Ông Q xác định không lấn chiếm đất nên không đồng ý trả số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Q đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ, để hỗ trợ những chi phí phía nguyên đơn bị thiệt hại trong quá trình kiện tụng ông mà không khai thác và cho thuê các căn nhà trọ trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Q tháo dỡ công trình xây dựng trên đất đang tranh chấp.

2. Bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ về việc khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 21,2m^2, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C; trả bằng tiền tương ứng với số tiền là 318.000.000đ (ba trăm mười tám triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Q có trách nhiệm trả lãi cho bà H, bà Đ với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà H, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Kháng cáo, kháng nghị:*

Ngày 09/8/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 4273/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng diện tích đất đã lấn chiếm là 21,2m^2.

** Tại phiên toà phúc thẩm:*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn đề nghị định giá lại phần diện tích tranh chấp vì cho rằng giá trị đất tại thời điểm hiện tại cao hơn so với giá trị định giá tại cấp sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất 21,2m^2 đã lấn chiếm số tiền là 272.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ; Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, kháng nghị do đó về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Cẩm L, ông Nguyễn Quan Q1 có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất lấn chiếm là 21,2m^2, thuộc thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, bộ địa chính xã K, huyện C; Trả bằng tiền tương ứng với số tiền là 318.000.000đ (ba trăm mười tám triệu đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện phần diện tích đất tranh chấp 21,2m^2, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 419043, số vào sổ cấp giấy H00758/13 ngày 06/5/2005, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M (cha nguyên đơn) có nguồn gốc là do ông M mua lại của bà V vào năm 2005. Giáp ranh với thửa 602 là thửa 605, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C do ông Nguyễn Văn Q đang quản lý sử dụng. Nguồn gốc thửa 605 do ông Q nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị C1 vào năm 2000 đến năm 2005 mới làm thủ tục chuyển nhượng và quản lý sử dụng nhà đất cho đến nay.

Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đo vẽ ngày 06/12/2018 thể hiện: Phần diện tích ông Q đang quản lý sử dụng có cấn ranh phần diện tích đất 21,2m^2, thuộc vị trí 602-2, thửa 602, tờ bản đồ số 4, xã K, huyện C mà nguyên đơn đã được Nhà nước công nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 419043, số vào sổ cấp giấy H00758/13 ngày 06/5/2005 và đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H vào ngày 10/10/2017. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở do đó cần sửa bản án sơ thẩm, cụ thể chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng diện tích đất đã lấn chiếm là 21,2m^2 là phù hợp.

Về giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp, căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 0411/2023/CT-SGL ngày 19/4/2023 của Công ty TNHH MTV thẩm định

giá SGL xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp tại thời điểm xem xét là 12.839.156 đồng/m^2 x 21,2m^2 = 272.000.000 đồng. Do đó số tiền bị đơn ông Q phải hoàn trả cho nguyên đơn bà H, bà Đ là 272.000.000 đồng.

Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng như đã phân tích như trên nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Q tháo dỡ công trình xây dựng trên đất đang tranh chấp.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ; Buộc ông Nguyễn Văn Q hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ giá trị quyền sử dụng đất đã lấn chiếm số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn Q có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh phần diện tích đất 21,2m^2 đất trên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0013989 ngày 26/4/2019 và 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0032845 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0045204 ngày 12/8/2022 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0045203 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND huyện C, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C, Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện C, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Anh Minh